TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ PHỦ LÝ** **TỈNH HÀ NAM**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập -Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2024/HNGĐ-ST.
Ngày 19 - 02 - 2024.
V/v: " ly hôn, nuôi con chung".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHỦ LÝ - TỈNH HÀ NAM

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà:* Bà Nguyễn Thị Xuyên.
- *Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Trần Thị Hoa và bà Nguyễn Thị Chương.

***Thư ký phiên toà*:** Bà Đỗ Thị Nhung - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phủ Lý tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Nghĩa - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 02 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 76/2023/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 10 năm 2023, về tranh chấp "ly hôn, nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 22/01/2024; Quyết định hoãn phiên tòa số: 07/2024/QĐST-HNGĐ ngày 06/02/2024, giữa các đương sự:

**** Nguyên đơn:*** Chị Trần Thị T, sinh năm 1988; địa chỉ: thôn M, xã TT, thành phố PL, tỉnh Hà Nam.

**** Bị đơn:*** Anh Nguyễn Văn G, sinh năm 1986; địa chỉ: thôn M, xã TT, thành phố PL, tỉnh Hà Nam.

Phiên tòa vắng mặt chị T có lý do, vắng mặt anh G không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện xin ly hôn, lời khai, các tài liệu chứng cứ được thu thập trong hồ sơ vụ án chị Trần Thị T trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn G đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện vào ngày 04/8/2011 tại Ủy ban nhân dân xã Tiên Tân, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam. Việc kết hôn có tổ chức cưới hỏi theo phong tục tại địa phương hai bên. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị chung sống tại nhà anh G trong thời gian mấy năm đầu vợ chồng chung sống hoà thuận. Tuy nhiên, sau đó vợ chồng chị đã phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do hai bên không hoà hợp được do bất đồng về quan điểm sống, cách sống nên vợ chồng xảy ra cãi vã, đánh chửi nhau khiến cho cuộc sống hôn nhân mâu thuẫn trầm trọng từ tháng 5 năm 2021. Do mâu thuẫn không giải quyết được nên tháng 10 năm 2021 vợ chồng chị đã sống ly thân cho đến nay. Trong thời gian ly thân, hai bên chấm dứt quan hệ vợ chồng, không quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa. Nay chị xác định tình cảm không còn dành cho anh G nữa, mâu thuẫn giữa hai bên không thể hàn gắn được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn G.

- Về con chung: Vợ chồng chị có 03 con chung là các cháu Nguyễn Thị Thanh H, sinh ngày 27/3/2012 (con gái), Nguyễn Ngọc A1, sinh ngày 12/5/2013

(con gái) và Nguyễn Việt A2, sinh ngày 22/6/2018 (con trai). Hiện nay, cả 03 cháu đang ở với anh G và gia đình anh G từ khi vợ chồng chị sống ly thân đến nay. Do thực tế các con chị đang ở và học tập ổn định tại gia đình anh G, còn chị điều kiện kinh tế và chổ ở của chị hiện nay không ổn định nên chị không muốn làm xáo trộn cuộc sống của các con. Vì vậy, khi ly hôn chị đề nghị giao cả 03 con chung cho anh G trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Về cấp dưỡng nuôi con chị tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Ngọc A1 cùng anh G mỗi tháng là 2.000.000đ (hai triệu đồng), cho đến khi cháu Nguyễn Ngọc A1 trưởng thành đủ 18 tuổi.

Con riêng, con nuôi: Vợ chồng không có nên chị không đề nghị giải quyết. Hiện chị không có thai nghén gì.

- Về tài sản chung và công nợ chung: Vợ chồng chị không có nên chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

* Bị đơn anh Nguyễn Văn G đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, các giấy triệu tập và thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cùng các văn bản tố tụng khác nhiều lần, nhưng không chấp hành giấy triệu tập và các văn bản tố tụng của Tòa án. Do vậy, không có quan điểm của anh Nguyễn Văn G.

* Quan điểm của bà Nguyễn Thị L (mẹ đẻ anh G): Về quan hệ hôn nhân giữa chị T, anh G và về việc nuôi dưỡng các cháu Nguyễn Thị Thanh H, Nguyễn Ngọc A1 và Nguyễn Việt A2 đề nghị Toà án giải quyết theo nguyện vọng của chị T và theo quy định của pháp luật. Thực tế từ khi chị T và anh G sống ly thân đến nay cả ba cháu đều do anh G nuôi dưỡng, chứ chị T không có trách nhiệm gì. Về tài sản chung và công nợ chung: chị T và anh G không có.

* Quan điểm của đại diện Ủy ban nhân dân xã Tiên Tân: Đề nghị Tòa án giải quyết việc ly hôn và việc nuôi dưỡng, chăm sóc con chung của vợ chồng chị T, anh G theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay:

* Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, những người tham gia tố tụng; ý kiến về việc giải quyết vụ án.

- Ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký:

+ Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn như: thụ lý, giải quyết vụ án đúng thẩm quyền, đúng trình tự, thủ tục trong giai đoạn chuẩn bị xét xử.

+ Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và Thư ký tại phiên tòa: Tại phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Cụ thể bị đơn không chấp hành các văn bản tố tụng của Tòa án, vắng mặt không có lý do tại các buổi làm việc, hòa giải, tại các phiên tòa.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, quyết định:

Áp dụng các Điều 28; 35; 39; 68; 147; 227; 228; 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng các Điều 51; 56; 58; 81; 82; 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

Áp dụng Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận đơn yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị T.

- Về hôn nhân: Xử ly hôn giữa chị Trần Thị T và anh Nguyễn Văn G.

- Về con chung: Giao cả 03 con chung là cháu Nguyễn Thị Thanh H, Nguyễn Ngọc A1 và Nguyễn Việt A2 cho anh G chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị Trần Thị T cấp dưỡng nuôi con chung là cháu Nguyễn Ngọc A1 cùng anh G mỗi tháng là 2.000.000đ, cho đến khi cháu Nguyễn Ngọc A1 trưởng thành đủ 18 tuổi.

- Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị T phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Bị đơn anh Nguyễn Văn G có nơi cư trú tại thôn M, xã TT, thành phố PL, tỉnh Hà Nam. Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án "kiện ly hôn, nuôi con chung" giữa chị Trần Thị T và anh Nguyễn Văn G thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.

[2] Về việc xét xử vắng mặt người tham gia tố tụng: Nguyên đơn chị Trần Thị T vắng mặt nhưng đã có đơn xin vắng mặt. Bị đơn anh Nguyễn Văn G vắng mặt tại phiên tòa không có lý do nhưng trước đó anh cũng đã vắng mặt tại phiên tòa ngày 06/02/2024 không có lý do nên việc xét xử vắng mặt chị T, anh G tại phiên tòa được thực hiện theo quy định tại các Điều 227; 228; 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Chị Trần Thị T và anh Nguyễn Văn G lấy nhau có đăng ký kết hôn vào ngày 04/8/2011 tại Ủy ban nhân dân xã TT, thành phố PL, tỉnh Hà Nam là hoàn toàn tự nguyện nên đã thỏa mãn với điều kiện, trình tự, thủ tục kết hôn được Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 bảo vệ.

Xét yêu cầu ly hôn của chị Trần Thị T, Hội đồng xét xử thấy rằng: Sau khi kết hôn, vợ chồng anh chị cũng có thời gian đầu hòa thuận nhưng sau đó đã phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn theo chị T xuất phát từ việc hai bên bất đồng về quan điểm sống, cách sống, không thể hoà hợp và không thể có tiếng nói chung nên vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 10 năm 2021 đến nay. Quá trình giải quyết tại Tòa án, mặc dù Tòa án đã triệu tập hợp lệ anh G nhiều lần để tham gia các buổi làm việc, các phiên họp hoà giải tại Tòa án nhưng anh G đều vắng mặt và tại phiên tòa hôm nay anh G vẫn vắng mặt không có lý do. Điều đó, chứng tỏ anh G cũng không mong muốn hàn gắn mối quan hệ hôn nhân nữa. Quá trình giải quyết, tại đơn đề nghị xin vắng mặt chị T vẫn cương quyết xin ly hôn anh G. Xét thấy, cuộc hôn nhân của vợ chồng anh chị đã lâm vào tình trạng trầm

trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, việc giải quyết ly hôn là cần thiết nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị T là phù hợp với thực tế và pháp luật được quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là cháu Nguyễn Thị Thanh H, sinh ngày 27/3/2012 (con gái), Nguyễn Ngọc A1, sinh ngày 12/5/2013 (con gái) và cháu Nguyễn Việt A2, sinh ngày 22/6/2018 (con trai). Hội đồng xét xử thấy, từ khi vợ chồng anh chị sống ly thân việc nuôi cả ba cháu đều do gia đình anh G đảm nhiệm, các cháu đều học tập và phát triển ổn định. Xét quan điểm của chị T, nguyện vọng của các cháu Nguyễn Thị Thanh H, cháu Nguyễn Ngọc A1 và căn cứ vào thực tế điều kiện nuôi dưỡng của gia đình anh G. Hội đồng xét xử thấy, cần giao cho anh G trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cả 03 con chung. Về việc cấp dưỡng nuôi con chung: Do chị T không trực tiếp nuôi con chung nên chị T có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Ngọc A1 cùng anh G mỗi tháng là 2.000.000đ (Hai triệu đồng), cho đến khi cháu Nguyễn Ngọc A1 Trưởng thành đủ 18 tuổi là phù hợp thực tế và pháp luật theo quy định tại các Điều 81; 82; 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về con nuôi, con riêng: Chị T xác định vợ chồng không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung và công nợ chung: Chị T không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí ly hôn: Chị T phải nộp theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Chị T, anh G thực hiện theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 68; Điều 144; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273; Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Căn cứ các Điều 51; 56; 58; 81; 82; 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

- Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[1] Xử ly hôn giữa: Chị Trần Thị T và anh Nguyễn Văn G.

[2] Về con chung: Giao anh Nguyễn Văn G được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cả 03 con chung là cháu Nguyễn Thị Thanh H, sinh ngày 27/3/2012 (con gái), cháu Nguyễn Ngọc A1, sinh ngày 12/5/2013 (con gái) và cháu Nguyễn Việt A2, sinh ngày 22/6/2018 (con trai) cho đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi. Chị Trần Thị T có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung là cháu Nguyễn Ngọc A1 cùng anh G mỗi tháng là 2.000.000đ (hai triệu đồng), kể từ tháng 02 năm 2024, cho đến khi cháu Nguyễn Ngọc A1 trưởng thành đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để gây cản trở hoặc ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng,

giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

[3] Về án phí:

- Án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Trần Thị T phải nộp là 300.000đ.
- Án phí cấp dưỡng nuôi con: Chị Trần Thị T phải nộp 300.000đ.

Chị Trần Thị T được đối trừ với 300.000đ, mà chị T đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0000302 ngày 30/10/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam. Chị T còn phải nộp tiếp 300.000đ.

[4] Về quyền kháng cáo: Chị T, anh G vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND thành phố Phủ Lý;
- Chi cục THADS thành phố Phủ Lý;
- UBND xã Tiên Tân, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Xuyên